

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 - NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2026/TCDS-ST

Ngày: 14-5-2026

V/v: “Tranh chấp quyền sử dụng đất
nông nghiệp”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trường Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Đình Mạnh.

2. Ông Trần Văn Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 81/2025/TLST-TCDS ngày 20 tháng 11 năm 2025, về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất nông nghiệp”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2026/QĐXXST-TCDS ngày 14 tháng 4 năm 2026; giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị B**, sinh năm 1965; địa chỉ: **thôn A, xã Ý, tỉnh Ninh Bình**; số CC: 036165008928; cấp ngày 10-3-2025; nơi cấp: **Bộ C1**.

2. Bị đơn:

Ông **Phạm Quang C**, sinh năm 1960; địa chỉ: **thôn A, xã Ý, tỉnh Ninh Bình**; số CCCD: 036060010020; cấp ngày 24-4-2021; nơi cấp: **Cục C2** về TTXH.

Bà **Phạm Thị Đ**, sinh năm 1963; địa chỉ: **thôn A, xã Ý, tỉnh Ninh Bình**; số CC: 036163017518; cấp ngày 02-10-2025; nơi cấp: **Bộ C1**.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông **Phạm Quang C** là: Bà **Phạm Thị Đ**, sinh năm 1963; địa chỉ: **Thôn A, xã Ý, tỉnh Ninh Bình**. (Theo văn bản uỷ quyền lập ngày 27-11-2025).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Bá K**, sinh năm 1971; địa chỉ: **số nhà A, ấp K, xã T, tỉnh An Giang**; số CCCD: 091071014618; cấp ngày 28-8-2022; nơi cấp: **Cục C2** về TTXH.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông **Phạm Bá K** là: Bà **Phạm Thị B**, sinh năm 1965; địa chỉ: **Thôn A, xã Ý, tỉnh Ninh Bình**. (Theo văn bản uỷ quyền lập ngày 21-10-2025).

(Tại phiên toà có mặt: Bà **Phạm Thị B** và bà **Phạm Thị Đ**; vắng mặt: Ông **Phạm Quang C** và ông **Phạm Bá K**).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn bà **Phạm Thị B** đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của ông **Phạm Bá K** trình bày:

Bố mẹ đẻ bà là cụ **Phạm Văn B1** (chết ngày 09-6-2005) và cụ **Vũ Thị T** (chết ngày 15-11-2019). Cụ **B1** và cụ **T** sinh được 05 người con là bà **Phạm Thị L**, ông **Phạm Quang C**, bà **Phạm Thị B**, bà **Phạm Thị H** và ông **Phạm Bá K**.

Theo sổ địa chính nông nghiệp của **UBND xã Y** lập từ năm 1992 đến năm 1994 thì hộ gia đình cụ **B1** được giao tổng diện tích đất nông nghiệp là 3089m² ở nhiều xứ đồng cho 04 nhân khẩu gồm: cụ **B1**, cụ **T**, bà **B** và ông **K** theo Quyết định số 115/QĐ-UB ngày 15-02-1992 của **UBND tỉnh H**.

Thời điểm chia giao đất ruộng do ông **C** đã lập gia đình riêng với bà **Đ**, tách sổ hộ khẩu và được chia giao tổng diện tích đất nông nghiệp là 2788m² ở nơi khác. Còn bà **L** và bà **H** cũng đã lập gia đình riêng, không còn thuộc hộ gia đình cụ **B1**, nên không thuộc diện được giao đất cùng hộ gia đình cụ **B1**.

Ngày 24-5-2022, bà **B** đã nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định giải quyết việc chia thừa kế di sản của cụ **Phạm Văn B1** và cụ **Vũ Thị T**, trong đó có diện tích đất nông nghiệp nêu trên. Tại Bản án sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 16-8-2023 (đã có hiệu lực pháp luật), Tòa án xác định trong tổng diện tích 295 m² đất tại xứ đồng Lộc Thổ có 147,5 m² là di sản thừa kế của ông **B1** và bà **T**; phần còn lại 147,5 m² không phải là di sản thừa kế.

Theo bản án, bà **B** được hưởng toàn bộ phần di sản 147,5 m² đất nông nghiệp tại xứ đồng Lộc Thổ của cụ **B1**, cụ **T**. Đối với diện tích 147,5 m² còn lại, đây là phần đất thuộc quyền quản lý, sử dụng chung của bà **B** và ông **K**.

Hiện nay, ông **Phạm Quang C** và bà **Phạm Thị Đ** đang lấn chiếm, sử dụng trái phép diện tích 95 m² thuộc phần đất 147,5 m² nói trên tại xứ đồng **L, thôn L, xã Ý, tỉnh Ninh Bình**. Trước đây, cụ **B1**, cụ **T** đã cho gia đình ông **C**, bà **Đ** mượn để sử dụng. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2022, khi có nhu cầu sử dụng đất để gieo mạ, bà **B** đã yêu cầu trả lại đất nhưng ông **C**, bà **Đ** không đồng ý. Thậm chí, khi bà **B** tiến hành gieo mạ trên phần đất này thì bị phía ông **C**, bà **Đ** cản trở và phá hoại.

Vì vậy, bà **Phạm Thị B** yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình giải quyết, buộc ông **Phạm Quang C** và bà **Phạm Thị Đ** trả lại diện tích 95m² đất tại xứ đồng Lộc Thổ cho bà **B** và ông **Phạm Bá K**.

* Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, bị đơn là bà **Phạm Thị Đ** đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của ông **Phạm Quang C** trình bày:

Diện tích đất tranh chấp 95m² tại xứ đồng Lộc Thổ có nguồn gốc là đất nông nghiệp được giao theo nhân khẩu cho hộ gia đình cụ **Phạm Văn B1** và cụ **Nguyễn Thị T1** vào khoảng năm 1987–1988. Tại thời điểm giao đất, các thành viên có mặt trong hộ gia đình gồm: cụ **B1**, cụ **T1**, bà **H**, ông **C**, bà **Đ** và chị **L2**. Bà **Phạm Thị B** và ông **Phạm Bá K** không có mặt tại địa phương nên không thuộc diện được giao đất.

Sau khi được giao đất, cụ **B1** và cụ **T1** đã thống nhất phân chia tổng diện tích 297m² tại xứ đồng Lộc Thổ thành 03 phần; trong đó, vợ chồng bà **Đ** được sử dụng một phần diện tích 95m². Kể từ đây, gia đình bà **Đ** đã quản lý, sử dụng diện tích đất nêu trên ổn định, liên tục, công khai và không có tranh chấp với ai cho đến năm 2022 thì phát sinh tranh chấp với bà **Phạm Thị B**.

Đến năm 1992, Nhà nước thực hiện việc giao lại ruộng đất theo quy định. Trong đợt giao đất này, gia đình bà **Đ** được giao đất tại các xứ đồng khác. Tuy nhiên, diện tích 95 m² tại xứ đồng Lộc Thổ không thuộc diện điều chỉnh, do đã được giao và phân chia ổn định cho gia đình bà từ trước đó, không bị đưa vào phương án chia lại ruộng đất. Vì vậy, gia đình bà **Đ** tiếp tục quản lý, sử dụng diện tích đất này.

Đối với các thửa đất tại xứ đồng Lộc Thổ, hộ gia đình cụ **B1** có 02 thửa, trong đó xứ đồng **L1** Thổ cấy diện tích khoảng 288 m² bà **B** đã chuyển nhượng cho doanh nghiệp; còn lại ở xứ đồng Lộc Thổ diện tích đo đạc thực tế là 295 m² là thửa đất đang tranh chấp trong vụ án này.

Năm 2023, Tòa án đã giải quyết và giao cho bà **Phạm Thị B** sử dụng diện tích khoảng 147m²; sau đó cơ quan thi hành án đã tổ chức giao đất trên thực địa. Đối với phần diện tích còn lại, trong đó có 95 m² đang tranh chấp, gia đình bà **Đ** tiếp tục quản lý, sử dụng. Trong suốt quá trình sử dụng, gia đình bà **Đ** trực tiếp canh tác và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế nông nghiệp theo quy định của Nhà nước.

Do đó, ông **Phạm Quang C** và bà **Phạm Thị Đ** không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị B**, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và công nhận quyền sử dụng hợp pháp của gia đình bà đối với diện tích 95 m² đất đang tranh chấp tại xứ đồng Lộc Thổ.

* Tại Biên bản thu thập chứng cứ ngày 11-12-2025, Ủy ban nhân dân xã Ý cung cấp:

Theo sổ địa chính xã Ý năm 1992 -1994 thể hiện hộ cụ Phạm Văn B1 vợ Phạm Thị T2 có 04 nhân khẩu gồm: Cụ B1, cụ T2, bà B, ông K được chia giao tổng diện tích đất nông nghiệp là 3089m² theo Quyết định số 115/QDD-UB ngày 15-02-1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh H. Trong đó:

Địa danh	Số thửa	Số tờ	Thửa phụ	Diện tích (m ²)	Loại đất
Xứ đồng Vẽo	13	3	24	370	2L
Xứ đồng Chiều mười ba	4	3	13	555	1L
Xứ đồng Chiều mười chín	3	1	40	215	1L
Xứ đồng Kênh Trong	7	7	40	188	2L
Xứ đồng Chiều Hậu làng	66	1	103	45	1L
Xứ đồng Hậu Làng Trùng	2	2	4	205	2L
Xứ đồng Thượng Làng Cao	11	3	8	114	2L
Xứ đồng Thượng Làng Cao	12	3	8	117	2L
Xứ đồng Lộc Thổ Cây	28	3	1	287	2L
Xứ đồng Lộc Thổ	15	3	20	297	2L
Xứ đồng Nồi Lộ	148	2	19	92	Mạ
Xứ đồng Mả Quyển	11	1		27	Mạ
Xứ đồng Cái Tư Tây	15	4		22	Mạ
Xứ đồng Bờ Vàng	26	7	24	53	Mạ
Xứ đồng Thùng Bà Vụ	309	1		82	Mạ

Quá trình sử dụng từ khi được cấp đất năm 1992 do gia đình cụ B1 và gia đình ông C là bố con nên tự hoán đổi diện tích đất cấy cho nhau để sử dụng. Đến năm 2017 tiểu ban đồn điền đổi thửa thôn khảo sát, đo đạc lại toàn bộ diện tích các xứ đồng đối với hộ cụ B1 đang quản lý, sử dụng gồm:

Địa danh	Số thửa	Số tờ	Thửa phụ	Kích thước (m)	Diện tích (m ²)
Cái Chín Tây	39	7	10	14,52 × 50	729 (còn 717 vì bị thu hồi 9m ² làm đường).
Lộc Thổ cấy					280 (đã bán)

Lộc Thổ	59	6	13	$8,95 \times 33$	295
Thùng Bà Vù	124	4	7	$66 \times 2,44$	161
Cửa Ông Đại (mạ)	40	6	—	$3,57 \times 56$	200

Diện tích đất nông nghiệp của hộ cụ **B1** từ trước cho đến nay vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Căn cứ sổ địa chính **xã Y** lập trong các năm 1992–1994, khi thực hiện việc giao đất nông nghiệp theo Quyết định số 115, hộ gia đình ông **C**, bà **Đ** đã tách hộ và là một hộ gia đình độc lập, có 03 nhân khẩu gồm: ông **C**, bà **Đ** và chị **Phạm Thị L2** được chia giao tổng diện tích đất nông nghiệp là 2788m² và không được giao đất tại xứ đồng Lộc Thổ.

Về tên gọi địa danh, “xứ đồng Lộc Thổ cao” và “xứ đồng Lộc Thổ” thực chất là một; người dân quen gọi là “Lộc Thổ cao” do địa hình cao hơn các khu vực lân cận. Tuy nhiên, theo sổ địa chính, tên gọi chính xác là “xứ đồng Lộc Thổ”.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, của Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử, của Thư ký Tòa án tại phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự.

- Về yêu cầu khởi kiện của đương sự:

Căn cứ vào Điều 163 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ: Điều 24 của Luật Đất đai năm 1993. Điều 54 và Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013. Điều 137 của Luật Đất đai năm 2024.

Căn cứ: Điều 26, 35, 39, 92, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị B**.

Buộc ông **Phạm Quang C** và bà **Phạm Thị Đ** trả lại cho bà **Phạm Thị B** và ông **Phạm Bá K** diện tích 95 m² đất nông nghiệp tại xứ đồng Lộc Thổ, thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 6, thửa phụ số 13; địa chỉ thửa đất **thôn L, xã Y, tỉnh Ninh Bình**.

Án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho các đương sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị B** về việc buộc ông **Phạm Quang C** và bà **Phạm Thị Đ** trả lại diện tích đất nông nghiệp là 95m², thuộc thửa đất số thửa đất số 59, tờ bản đồ số 6, thửa phụ 13; địa chỉ thửa đất tại **thôn L, xã Ý, tỉnh Ninh Bình**. Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đây là “Tranh chấp quyền sử dụng đất nông nghiệp”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Ninh Bình.

[2]. Về nguồn gốc và quá trình quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp:

Diện tích đất nông nghiệp các đương sự đang tranh chấp là 95 m² tại xứ đồng Lộc Thổ; theo hồ sơ địa chính cũ thuộc thửa đất số 15, tờ bản đồ số 3, thửa phụ số 20; sau khi thực hiện dồn điền, đổi thửa qua các thời kỳ được xác định là thửa đất số 59, tờ bản đồ số 6, thửa phụ số 13. Theo tài liệu địa chính do **UBND xã Y** cung cấp, tên gọi thống nhất của khu đất này là xứ đồng Lộc Thổ.

Nguyên đơn bà **Phạm Thị B** trình bày diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà **B** và ông **Phạm Bá K**, được Nhà nước giao theo nhân khẩu theo Quyết định số 115/QĐ-UB ngày 15-02-1992 của **UBND tỉnh H**. Nay ông **Phạm Quang C** và bà **Phạm Thị Đ** đang quản lý, sử dụng diện tích đất này không có căn cứ pháp luật, nên bà **B** yêu cầu Tòa án buộc ông **C** và bà **Đ** trả lại đất. Phía bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện và cho rằng diện tích đất này đã được chia cho gia đình ông **C** từ khoảng các năm 1987-1988, gia đình bị đơn trực tiếp canh tác và có thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đối với Nhà nước.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ sổ địa chính, sổ mục kê, bản đồ địa chính **xã Y** lập trong các năm 1992-1994 cùng các tài liệu do cơ quan chuyên môn và chính quyền địa phương cung cấp, có đủ cơ sở xác định hộ cụ **Phạm Văn B1** được Nhà nước giao tổng diện tích 3.089 m² đất nông nghiệp tại nhiều xứ đồng. Trong tổng diện tích được giao có thửa đất tại xứ đồng Lộc Thổ với diện tích đo đạc thực tế là 295 m². Diện tích này được cân đối, giao ổn định cho 04 nhân khẩu trong hộ gồm: cụ **B1**, cụ **T2**, bà **Phạm Thị B** và ông **Phạm Bá K** theo Quyết định số 115/QĐ-UB ngày 15-02-1992 của **UBND tỉnh H**.

Tại thời điểm giao đất năm 1992, ông **Phạm Quang C** đã lập gia đình riêng với bà **Phạm Thị Đ**, đã tách hộ khẩu và được giao 2.788 m² đất nông nghiệp tại các xứ đồng khác; không được giao đất tại xứ đồng Lộc Thổ.

Mặt khác, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 06/2023/DS-ST ngày 16-8-2023 của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định (đã có hiệu lực pháp luật) giải quyết vụ án chia thừa kế di sản của cụ **B1** và cụ **T2**, Tòa án đã xác định: Trong

tổng diện tích đo đạc thực tế 295 m² đất tại xứ đồng Lộc Thổ, có 147,5 m² là di sản thừa kế của cụ B1 và cụ T2 và đã giao cho bà Phạm Thị B được quyền quản lý, sử dụng. Đối với phần diện tích 147,5 m² còn lại, bản án xác định không phải là di sản thừa kế của hai cụ mà là phần quyền sử dụng đất hợp pháp thuộc quyền quản lý, sử dụng chung của bà Phạm Thị B và ông Phạm Bá K, tương ứng với 02 suất đất nhân khẩu được giao trong hộ cụ B1 theo Quyết định số 115/QĐ-UB ngày 15-02-1992 của UBND tỉnh H.

[3]. Đối với ý kiến của phía bị đơn cho rằng diện tích 95 m² tranh chấp được cụ B1, cụ T2 phân chia cho sử dụng ổn định từ đợt giao đất năm 1987 – 1988 và gia đình bị đơn là người trực tiếp canh tác, nộp thuế nông nghiệp. Hội đồng xét xử xét thấy: Lời khai này của phía bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận và cũng không phù hợp với tài liệu địa chính do UBND xã Ý cung cấp. Bị đơn không xuất trình được tài liệu, chứng cứ hợp pháp chứng minh việc được Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất hoặc có căn cứ pháp lý khác làm phát sinh quyền sử dụng đất đối với diện tích đang tranh chấp.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định phần diện tích 147,5 m² đất nông nghiệp còn lại tại xứ đồng Lộc Thổ thuộc quyền sử dụng hợp pháp của bà Phạm Thị B và ông Phạm Bá K. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B về việc buộc ông Phạm Quang C và bà Phạm Thị Đ trả lại diện tích đất nêu trên là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận.

[4]. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện nộp và không yêu cầu giải quyết về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản; nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B được Tòa án chấp nhận nên bà Ba K1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Phạm Quang C và bà Phạm Thị Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, xét thấy ông C và bà Đ là người cao tuổi, thuộc trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 163 và Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 13 Luật Đất đai năm 1987; Điều 24, Điều 33 của Luật Đất đai năm 1993. Điều 54 và Điều 100 của Luật Đất đai năm 2013. Điều 137 của Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ: Điều 2 Luật người cao tuổi; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Phạm Thị B.**

2. Buộc ông **Phạm Quang C** và bà **Phạm Thị Đ** phải trả lại cho bà **Phạm Thị B** và ông **Phạm Bá K** diện tích 95 m² đất nông nghiệp tại xứ đồng Lộc Thổ, thuộc thửa đất số 59, tờ bản đồ số 6, thửa phụ số 13; địa chỉ thửa đất **thôn L, xã Ý, tỉnh Ninh Bình**. Diện tích đất có tứ cận và kích thước các cạnh như sau: Phía Đông giáp đất ruộng hộ ông **N**, chiều dài 33 m (đoạn 4–5); Phía Tây giáp phần đất ruộng do bà **B** đang quản lý, sử dụng, chiều dài 33 m (đoạn 3–6); Phía Nam giáp đất ruộng thuộc đội 1, chiều dài 2,88 m (đoạn 5–6); Phía Bắc giáp đường và mương, chiều dài 2,88 m (đoạn 3–4). (có sơ đồ giao đất kèm theo).

Ông **Phạm Quang C**, bà **Phạm Thị Đ** có trách nhiệm thu hoạch hoa màu và giao lại cho bà **Phạm Thị B**, ông **Phạm Bá K** diện tích đất nêu trên.

3. Án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông **Phạm Quang C** và bà **Phạm Thị Đ**.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 8 - Ninh Bình;
- Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Ý Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu VP Tòa án.

Phạm Trường Nam

Điều 24 Luật Đất đai năm 1993

Thẩm quyền giao đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp được quy định như sau:

1- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương giao đất cho các tổ chức;

2- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giao đất cho các hộ gia đình và cá nhân. Bổ sung

Điều 33

1- Khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho phép thay đổi mục đích sử dụng đất hoặc đang sử dụng đất mà chưa đăng ký thì người sử dụng đất phải đăng ký tại cơ quan Nhà nước quy định tại khoản 2 Điều này.

Người đang sử dụng đất tại xã, phường, thị trấn nào thì phải đăng ký tại xã, phường, thị trấn đó.

2- Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn lập và quản lý sổ địa chính, đăng ký vào sổ địa chính đất chưa sử dụng và sự biến động về việc sử dụng đất.

Điều 13 Luật Đất đai năm 1987

1- Hội đồng Nhà nước phê chuẩn kế hoạch hàng năm của Hội đồng bộ trưởng về việc giao đất nông nghiệp, đất có rừng sử dụng vào mục đích khác.

2- Hội đồng bộ trưởng xét duyệt kế hoạch hàng năm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đơn vị hành chính tương đương về việc giao đất nông nghiệp, đất có rừng để sử dụng vào mục đích khác.

Hội đồng bộ trưởng căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai đã được Quốc hội phê chuẩn và kế hoạch hàng năm chuyển đất nông nghiệp, đất có rừng để sử dụng vào mục đích khác đã được Hội đồng Nhà nước phê chuẩn, quyết định việc giao đất để sử dụng vào mọi mục đích trong những trường hợp cần thiết.

3- Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đơn vị hành chính tương đương quyết định:

- a) Giao đất cho các tổ chức kinh tế quốc doanh để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp;
- b) Giao đất để sử dụng vào mục đích khác không phải sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp trong phạm vi sau đây:

Từ 1 ha trở xuống đối với đất nông nghiệp, đất có rừng, đất khu dân cư và từ 2 ha trở xuống đối với đất hoang, đồi núi cho mỗi công trình không theo tuyến.

Từ 3 ha trở xuống đối với đất nông nghiệp, đất có rừng, đất khu dân cư và từ 5 ha trở xuống đối với đất hoang, đồi núi cho mỗi công trình theo tuyến.

c) Giao đất chuyên dùng để sử dụng vào mục đích chuyên dùng, trừ đất thuộc vùng lãnh hải.

d) Xét duyệt kế hoạch giao đất khu dân cư nông thôn để nhân dân làm nhà ở theo định mức hàng năm đã được Hội đồng bộ trưởng xét duyệt cho mỗi loại xã.

đ) Giao đất khu dân cư thuộc nội thành nội thị theo quy hoạch đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt.

4- Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh quyết định:

a) Giao đất cho các hợp tác xã, tập đoàn sản xuất và cá nhân để sử dụng lâu dài vào sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp;

b) Giao đất chưa sử dụng cho các tổ chức và cá nhân sử dụng có thời hạn hoặc tạm thời để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp;

c) Giao đất khu dân cư nông thôn cho nhân dân làm nhà ở theo kế hoạch đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và đơn vị hành chính tương đương xét duyệt.

5- Ủy ban nhân dân quận có thẩm quyền giao đất quy định tại điểm a, điểm b, khoản 4 của Điều này.

6- Hội đồng bộ trưởng quy định trình tự, thủ tục giao các loại đất. Cơ quan quản lý đất đai của trung ương và địa phương, giúp Hội đồng bộ trưởng và Ủy ban nhân dân các cấp trong việc giao đất.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

PHẠM TRƯỜNG NAM

